

Bản án số: **83/2019/HS-ST**
Ngày: 29-8-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Ngày **29** tháng **8** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

ĐVM, sinh năm 1982

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông ĐVH (đã chết) và bà NTX; Vợ: LTL; con: 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013). Danh chỉ bản số 292 lập ngày 14/5/2019 tại Công an huyện Chương Mỹ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 39/2000/HSST ngày 14/12/2000, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/09/2001 (*đã được xóa án tích*).

- Bản án số 17/2002/HSST ngày 07/06/2002, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/09/2003 (*đã được xóa án tích*).

- Bản án số 39/2004/HSST ngày 30/11/2004, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/04/2006 (*đã được xóa án tích*).

- Bản án số 54/2015/HSST ngày 27/08/2015, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 04 tháng 25 ngày tù về tội “*Đánh bạc*”.

Được trả tự do tại phiên tòa (đã được xoá án tích).

- Ngày 27/10/2017, Công an huyện Đan Phượng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 192/QĐ-XPHC về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” mức tiền phạt là 1.500.000 đồng. Đã nộp phạt ngày 06/11/2017 (đã được xoá).

Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2019 đến ngày 15/5/2019.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt.*

*** Người bị hại: Chị NTS**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

*** Người làm chứng: Bà ĐTH**, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/4/2019, ĐVM điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29X3-270.61 đi qua khu Bình Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ thì phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29H1-309.47 của chị NTS dựng bên lề đường trước cửa hàng bán quần áo nhà bà ĐTH, trên khung xe để 01 chiếc túi xách màu đen. Quan sát xung quanh không có người trông giữ, ĐVM nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã điều khiển xe máy dừng sát xe máy của chị S, ĐVM dùng tay trái với sang lấy chiếc túi xách của chị S cho vào giữa khung xe của mình rồi điều khiển xe đi theo hướng quận Hà Đông – Thành phố Hà Nội. Khi đi qua cầu Mai Lĩnh, quận Hà Đông, ĐVM dừng xe và mở túi xách kiểm tra thì thấy bên trong có tiền, 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 5A và một số giấy tờ, sổ sách. ĐVM cầm chiếc điện thoại của chị S cất vào túi quần rồi để lại túi xách vào khung xe máy và đi đến ngã tư Văn Phú, quận Hà Đông rẽ trái đi theo đường Lê Trọng Tấn khoảng 02 km thì ĐVM lấy chiếc điện thoại của chị S trong túi ra vớt ở vệ đường bên phải. Sau đó, ĐVM về nhà bỏ toàn bộ số tiền trong túi xách của chị S ra đếm được tổng số 30.800.000 đồng. Trong đó bao gồm: 11.000.000 đồng tiền mệnh giá 500.000 đồng, 11.000.000 đồng tiền mệnh giá 200.000 đồng, 8.600.000 đồng tiền mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng tiền mệnh giá 50.000 đồng. Chiều ngày 05/4/2019, ĐVM mang theo túi xách đựng toàn bộ số tài sản chiếm đoạt được đi lên thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để tìm vợ là LTL và sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt được chi trả tiền nhà nghỉ, tiền đi xe taxi, thuê xe máy và chi tiêu cá nhân hết.

Chị NTS sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản đã đến Công an thị trấn Chúc Sơn trình báo.

Đến ngày 06/05/2019, ĐVM đã đến Công an huyện Chương Mỹ đầu thú, giao nộp một số tang vật và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Vật chứng vụ án:

- *Vật chứng ĐVM đã giao nộp:*
- + 01 chiếc túi xách màu đen diện (30x40) cm, túi có bốn ngăn, có dây đeo, đã qua sử dụng.
- + 03 quyển sổ theo dõi quỹ tiền mặt tạm ứng (*Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2016-2017; 01 quyển theo dõi năm 2018; 01 quyển theo dõi năm 2019*).
- + 02 quyển sổ theo dõi tiền gửi (*Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2018; 01 quyển theo dõi năm 2019*).
- + 03 quyển sổ theo dõi chi tiền của ngân sách xã (*Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2017; 01 quyển theo dõi năm 2018; 01 quyển theo dõi năm 2019*).
- + 01 quyển sổ theo dõi quỹ chi tiền hỗ trợ đất lúa, đất công, hỗ trợ thiên tai.
- + 02 quyển sổ theo dõi quỹ chi tiền phụ cấp (*Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2018; 01 quyển theo dõi năm 2019*).
- + 01 quyển sổ theo dõi tiền thu chi của Đảng ủy.
- + 01 quyển biên lai thu tiền phí, lệ phí một cửa, mẫu số 01BLP3-001, quyển số 0483, số biên lai từ 0024101 đến 0024150.
- + 01 quyển biên lai thu tiền phí, lệ phí một cửa, mẫu số 01BLP3-001, quyển số 0484, số biên lai từ 0024151 đến 0024200.
- + 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 đăng ký xe mô tô biên kiểm soát 29H1-309.47 đều mang tên NTS.

- *Vật chứng không thu hồi được:*

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5A màu xám, bị rạn màn hình, đã qua sử dụng. Bên trong có lắp sim điện thoại của mạng di động Viettel số 096xxxxxxx và số 036xxxxxxx.

+ Tổng số tiền trong túi xách của chị NTS mà ĐVM khai nhận là 30.800.000 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) ĐVM đã chi tiêu cá nhân hết chưa thu hồi lại được.

Kết luận định giá tài sản số **48/TC-KLĐG** ngày 23/4/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận:

- 01 chiếc túi xách màu đen đã qua sử dụng. Giá trị còn lại là 50.000 đồng.
 - 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5A màu xám, bị rạn màn hình, đã qua sử dụng. Giá trị còn lại là 550.000 đồng.
 - 01 sim điện thoại mạng Viettel số 096xxxxxxx. Có giá 100.000 đồng.
 - 01 sim điện thoại mạng Viettel số 036xxxxxxx. Có giá 100.000 đồng.
- Tổng cộng: **800.000 đồng** (*Tám trăm ngàn đồng*).

Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 30/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố bị cáo ĐVM về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo ĐVM đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về số tiền bị cáo chiếm

đoạt được, bị cáo khẳng định sau khi kiểm tra chiếc túi của chị NTS kiểm tra thấy, bị cáo đã đi về nhà xếp lại tiền theo các mệnh giá và đếm được 30.800.000 đồng. Trong đó bao gồm: 11.000.000 đồng tiền mệnh giá 500.000 đồng, 11.000.000 đồng tiền mệnh giá 200.000 đồng, 8.600.000 đồng tiền mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng tiền mệnh giá 50.000 đồng.

- Chị NTS yêu cầu ĐVM bồi thường thiệt hại đối với 01 chiếc điện thoại, 02 sim điện thoại cùng số tiền 48.956.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chị S yêu cầu bồi thường là 49.756.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt ĐVM từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho chị NTS tổng số tiền là 31.550.000 đồng (*Trong đó tiền chiếm đoạt là 30.800.000 đồng; giá trị 01 chiếc điện thoại là 550.000 đồng, giá trị 02 sim điện thoại Viettel là 200.000 đồng*).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án; khởi tố bị can; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; áp dụng biện pháp tạm giữ; quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Về các biện pháp điều tra như: Lấy lời khai bị can, lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng; thu giữ vật chứng; trưng cầu định giá tài sản; xử lý vật chứng; về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can và người bị hại đúng quy định. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập đầy đủ, đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Không mớm cung, ép cung, bức cung, dùng nhục hình đối với bị can.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người làm chứng là bà ĐTH: Bà H đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của Bà H không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa bị cáo ĐVM khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản ngày 04/4/2019 và khẳng định sau khi kiểm tra chiếc túi xách của chị NTS thấy có tiền, bị

cáo đã đi về nhà sắp xếp lại mệnh giá các loại tiền và đếm được 30.800.000 đồng. (Trong đó bao gồm: 11.000.000 đồng tiền mệnh giá 500.000 đồng, 11.000.000 đồng tiền mệnh giá 200.000 đồng, 8.600.000 đồng tiền mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng tiền mệnh giá 50.000 đồng). Chị NTS khẳng định số tiền có trong túi xách khi bị mất là 48.956.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo ĐVM và lời trình bày của chị NTS về số tiền chị S bị mất thì thấy: Tại đơn trình báo ngày 04/4/2019 và tại bản kê khai ngày 04/4/2019 (BL 28, 29) chị S không nhớ rõ trong túi xách của mình có bao nhiêu tiền và mệnh giá từng loại tiền mà chỉ khai số tiền bị mất khoảng 49.000.000 đồng và tại Biên bản lấy lời khai ngay sau khi bị mất chiếc túi xách ngày 04/4/2019 chị S khai ngoài sổ sách và giấy tờ thì số tiền bị mất khoảng 30.000.000 đồng đến 49.000.000 đồng (BL 108) và tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2019 chị S khai cụ thể số tiền trong túi bị mất là 48.956.000 đồng nhưng về số tờ tiền và mệnh giá các loại tiền bị mất chị S cũng không nhớ cụ thể (BL 111). Mặt khác, số tiền trong túi xách của chị S theo chị S khai thì có nguồn gốc từ nhiều khoản tiền thu chi khác nhau do chị S là thủ quỹ của xã Phụng Châu nên cụ thể từng tờ tiền và mệnh giá từng loại tiền chị S không nhớ cụ thể. Bị cáo khai sau khi chiếm đoạt được chiếc túi xách của chị S, kiểm tra thấy có tiền, bị cáo đã đi về nhà bỏ ra đếm được tổng số tiền là 30.800.000 đồng và khai rõ cụ thể từng mệnh giá các loại tiền. Tại Biên bản đối chất ngày 01/7/2019 (BL 187) bị cáo ĐVM vẫn khẳng định tổng số tiền và mệnh giá từng loại tiền đã chiếm đoạt được với tổng số tiền là 30.800.000 đồng còn chị S không nhớ cụ thể mệnh giá từng loại tiền bị mất mà dùng từ “khoảng”. Do vậy, có căn cứ xác định số tiền trong túi xách của chị S khi bị mất là 30.800.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo ĐVM tại phiên tòa về hành vi phạm tội phù hợp với Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, tang vật thu giữ, Kết luận định giá trong Tổ tụng Hình sự, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. **Do đó có đủ cơ sở để kết luận:**

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/04/2019, tại khu Bình Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người khác ĐVM đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc túi xách bên trong có số tiền: 30.800.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 5A kèm 02 sim và một số giấy tờ, sổ sách của chị NTS. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 31.600.000 đồng (Ba một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hành vi lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 31.600.000 đồng mà ĐVM thực hiện đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 30/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố ĐVM về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn; gây bức xúc trong quần chúng nhân dân tại địa phương.

Bị cáo đã 03 lần bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, 01 lần bị xét xử về tội “*Đánh bạc*” và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”. Điều đó chứng tỏ bị cáo đã nhiều lần được giáo dục cải tạo nhưng vẫn không chịu sửa chữa để trở thành người tốt, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm cũng như phòng ngừa chung.

[2.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú; hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn và thuộc diện hộ cận nghèo năm 2019. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Chị NTS yêu cầu bị cáo ĐVM phải bồi thường trả lại cho bị cáo số tiền bị mất là 48.956.000 đồng và tài sản bị mất không thu hồi được bao gồm 01 chiếc điện thoại trị giá 550.000 đồng, 02 sim điện thoại Viettel trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị S yêu cầu được bồi thường là 49.706.000 đồng. Bị cáo khẳng định số tiền bị cáo chiếm đoạt được là 30.800.000 đồng. Như đã phân tích ở trên về số tiền chị S khi bị mất, Hội đồng xét xử có căn cứ có căn cứ để xác định số tiền trong túi xách của chị S khi bị mất là 30.800.000 đồng.

Do vậy cần buộc bị cáo ĐVM phải bồi thường cho chị NTS số tiền chiếm đoạt là 30.800.000 đồng và phải bồi thường cho chị S những tài sản không thu hồi được bằng giá trị là 01 chiếc điện thoại trị giá 550.000 đồng, 02 sim điện thoại Viettel trị giá 200.000 đồng. Tổng cộng ĐVM phải bồi thường cho chị NTS số tiền là 31.550.000 đồng.

[4]. Về xử lý vật chứng:

+ 01 chiếc túi xách màu đen diện (30x40) cm, túi có bốn ngăn, có dây đeo, đã qua sử dụng.

+ 03 quyển sổ theo dõi quỹ tiền mặt tạm ứng (*Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2016-2017; 01 quyển theo dõi năm 2018; 01 quyển theo dõi năm 2019*).

+ 02 quyển sổ theo dõi tiền gửi (Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2018; 01 quyển theo dõi năm 2019).

+ 03 quyển sổ theo dõi chi tiền của ngân sách xã (Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2017; 01 quyển theo dõi năm 2018; 01 quyển theo dõi năm 2019).

+ 01 quyển sổ theo dõi quỹ chi tiền hỗ trợ đất lúa, đất công, hỗ trợ thiên tai.

+ 02 quyển sổ theo dõi quỹ chi tiền phụ cấp (Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2018; 01 quyển theo dõi năm 2019).

+ 01 quyển sổ theo dõi tiền thu chi của Đảng ủy.

+ 01 quyển biên lai thu tiền phí, lệ phí một cửa, mẫu số 01BLP3-001, quyển số 0483, số biên lai từ 0024101 đến 0024150.

+ 01 quyển biên lai thu tiền phí, lệ phí một cửa, mẫu số 01BLP3-001, quyển số 0484, số biên lai từ 0024151 đến 0024200.

+ 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 đăng ký xe mô tô BKS: 29H1-309.47 đều mang tên NTS.

Là tài sản của chị NTS nên trả lại cho chị NTS.

[5]. Về án phí : Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.577.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **ĐVM** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt ĐVM 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/5/2019 đến ngày 15/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc ĐVM phải bồi thường cho chị NTS số tiền là 31.550.000 đồng (Trong đó tiền chiếm đoạt là 30.800.000 đồng; giá trị 01 chiếc điện thoại là 550.000 đồng, giá trị 02 sim điện thoại Viettel là 200.000 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại chị NTS 01 chiếc túi xách màu đen diện (30x40) cm, túi có bốn ngăn, có dây đeo, đã qua sử dụng; 03 quyển sổ theo dõi quỹ tiền mặt tạm ứng (Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2016-2017 có số trang từ 01 đến 24; 01 quyển theo dõi năm 2018 có số trang từ 01 đến 24; 01 quyển theo dõi năm 2019 có số trang từ 01 đến 24); 02 quyển sổ theo dõi tiền gửi (Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2018 có số trang từ 01 đến 24; 01 quyển theo dõi năm 2019 có số trang từ 01 đến 24); 03 quyển sổ theo dõi chi tiền của ngân sách xã (Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2017 có số trang từ 01

đến 24; 01 quyển theo dõi năm 2018 có số trang từ 01 đến 24; 01 quyển theo dõi năm 2019 có số trang từ 01 đến 24); 01 quyển sổ theo dõi quỹ chi tiền hỗ trợ đất lúa, đất công, hỗ trợ thiên tai có số trang từ 01 đến 24; 02 quyển sổ theo dõi quỹ chi tiền phụ cấp (Trong đó: 01 quyển theo dõi năm 2018 - 2019 có số trang từ 01 đến 24; 01 quyển theo dõi năm 2018 có số trang từ 01 đến 24); 01 quyển sổ theo dõi tiền thu chi của Đảng ủy có số trang từ 01 đến 24; 01 quyển biên lai thu tiền phí, lệ phí một cửa, mẫu số 01BLP3-001, quyển số 0483, số biên lai từ 0024101 đến 0024150, mỗi số biên lai có 02 tờ; 01 quyển biên lai thu tiền phí, lệ phí một cửa, mẫu số 01BLP3-001, quyển số 0484, số biên lai từ 0024151 đến 0024200, mỗi số biên lai có 02 tờ; 01 chứng minh nhân dân mang tên NTS có số 111602919; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên NTS số U302496; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 29H1-309.47 đều mang tên NTS. Tất cả các vật chứng nêu trên được niêm phong trong 01 hộp các tông diện (40x40x25)cm, bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Anh Tuấn, Lê Đình Luân, ĐVM.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/8/2019 giữa Công an huyện Chương Mỹ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo ĐVM phải chịu **200.000** đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.577.000 đồng án phí Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo ĐVM và người bị hại là chị NTS có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- CC THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

